

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
1	1213360027	Trác Xuân Hùng	Bách	27/10/2002	01KT14C1	6,6	6,6	6,6		6,0		6,2	Đạt
2	1213360133	Nguyễn Ngọc	Cầm	28/10/2006	01KT14C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
3	1213360080	Nguyễn Ngọc	Hân	20/11/2006	01KT14C1	9,0	9,0	9,0		5,0		6,6	Đạt
4	1213360032	Trần Phương	Hằng	19/01/2006	01KT14C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
5	1213240045	Trương Ngọc	Huệ	25/05/2003	01KT14A1	7,6	7,6	7,6		5,0		6,0	Đạt
6	1213360067	Trần Như Gia	Khang	23/09/2006	01KT14C1	10,0	10,0	10,0		7,8		8,7	Đạt
7	1213360091	Nguyễn Thị Kim	Khánh	25/08/2006	01KT14C1	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
8	1213360139	Nguyễn Văn	Khoa	08/09/2004	01KT14C1	1,0	1,0	1,0	TBKT			0,4	Học lại
9	1213360035	Hoàng Ngọc	Lan	04/01/2006	01KT14C1	7,5	7,5	7,5		5,5		6,3	Đạt
10	1213360021	Lê Thị Hồng	Loan	09/12/2006	01KT14C1	5,0	5,0	5,0		6,5		5,9	Đạt
11	1213360143	Đặng Xuân	Mai	28/07/2005	01KT14C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
12	1213360056	Trần Ngọc	Nhi	27/07/2006	01KT14C1	10,0	10,0	10,0		6,3		7,8	Đạt
13	1213240047	Lâm Ngọc Yến	Nhi	01/05/2003	01KT14A1	8,0	8,0	8,0		9,3		8,8	Đạt
14	1213360031	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/12/2005	01KT14C1	6,4	6,4	6,4				2,6	Thi lại
15	1213360151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/05/2003	01KT14C1	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
16	1213360109	Nguyễn Thị Hồng Thắm	07/05/2006	01KT14C1	9,0	9,0	9,0		8,3		8,6	Đạt
17	1213360019	Nguyễn Thị Kim Thảo	04/04/1995	01KT14C1	10,0	10,0	10,0		9,3		9,6	Đạt
18	1213360070	Nguyễn Thị Thu Trang	29/12/2006	01KT14C1	7,0	7,0	7,0		5,3		6,0	Đạt
19	1213360125	Nguyễn Trần Huyền Trang	30/12/2006	01KT14C1	6,5	6,5	6,5		5,0		5,6	Đạt
20	1213240038	Nguyễn Hoàng Trinh	10/03/2003	01KT14A1	10,0	10,0	10,0		8,5		9,1	Đạt